

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ - PT
Ngày: 19 - 11 - 2019
“V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Thành.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thanh;

Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thành, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Ông Nguyễn Phương Nam, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2019/TLPT- HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 30/2019/HNGĐ - ST ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 41/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khu 6, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lương Văn H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu 12, thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

3. *Người kháng cáo:* Anh Lương Văn H - bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 8 năm 2019, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Lương Văn H kết hôn ngày 02 tháng 4 năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H chơi bời, nghiện ngập, chỉ có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H không thay đổi. Tháng 08/2016 anh H bị bắt và bị Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, đến tháng 09/2018 thì chấp hành án xong về địa phương. Trước đó, từ tháng 06/2016 vợ chồng chị sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về nuôi con chung: Chị và anh H có một con chung là cháu Lương Thùy D, sinh ngày 10/4/2016. Hiện nay, cháu D đang ở cùng anh H. Ly hôn, chị có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D và không đề nghị anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn là anh Lương Văn H trình bày: Anh thừa nhận lời trình bày của chị L về thời gian kết hôn, quá trình chung sống cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Nay chị L xin ly hôn, anh đồng ý.

Về nuôi con chung: Anh thừa nhận như chị L trình bày là đúng, anh và chị L có 01 con chung là cháu Lương Thùy D, sinh ngày 10/4/2016. Hiện nay, cháu D đang sống cùng anh. Ly hôn, anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm số 30/2019/HNGĐ - ST ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo đã quyết định:

Áp dụng các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lương Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lương Thùy D, sinh ngày 10/4/2016. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con không ai được cản trở, gây khó khăn.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/10/2019 anh Lương Văn H có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm cho anh được trực tiếp nuôi con chung là cháu Lương Thùy D, sinh ngày 10/4/2016; anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Lương Văn H trình bày: Tháng 6/2016, do vợ chồng nhiều lần mâu thuẫn nên chị L đã đưa cháu D về nhà bố mẹ đẻ ở V để sinh sống. Sau đó mấy tháng thì anh bị Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo kết án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, đến tháng 8/2018 thì anh chấp hành án xong. Vợ chồng chỉ có một con chung, anh cũng rất yêu quý cháu, trước kia do điều kiện hoàn cảnh nên không thể chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Trong quá trình cháu ở với chị L thì chị L thường đi chơi đêm đến khuya mới về, không chăm sóc cháu chu đáo. Đầu năm 2019 anh đón cháu về nuôi và hiện nay cháu đang ở với anh. Hiện tại anh làm thợ xây, cũng có điều kiện để nuôi dưỡng cháu. Anh lo ngại sau khi ly hôn chị L sẽ lấy chồng mới, cháu D ở với mẹ sẽ khổ nên anh kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm cho anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D. Nếu được nuôi con anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị L trình bày: Từ tháng 6/2016 vợ chồng ly thân, chị đã đưa cháu D về nhà bố mẹ đẻ ở thành phố V, tỉnh Phú Thọ để sinh sống và chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Khi Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo giải quyết việc ly hôn của vợ chồng chị thì cháu D đang ở cùng anh H. Việc cháu ở cùng anh H là do sau khi anh H chấp hành án xong về nhà, anh H viện cớ sang đón cháu đi chơi, đưa về nhà nội ở T nuôi và ngăn cản, không cho chị tiếp tục nuôi cháu. Nay, chị đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D như Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, của các đương sự đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung kháng cáo: Xét nguyện vọng xin nuôi con của cả anh H và chị L là chính đáng nhưng vì cháu D là con gái, lại còn nhỏ (mới hơn 3 tuổi) nên

có sự chăm sóc của người mẹ sẽ tốt hơn, chị L cũng đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục con đảm bảo. Tại phiên tòa phúc thẩm anh H không đưa ra tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho quan điểm về việc chị L không đủ điều kiện nuôi con. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định giao cho chị L quyền trực tiếp nuôi con là có căn cứ, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu D. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của anh Lương Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 30/2019/HNGĐ- ST ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của anh Lương Văn H trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo qui định tại Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét đơn kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Lương Văn H kết hôn tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 02 tháng 4 năm 2015. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân, không thăm hỏi gì nhau. Chị L khởi kiện xin ly hôn, anh H xét thấy vợ chồng không còn tình cảm nên cũng thuận tình ly hôn. Bản án sơ thẩm đã công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lương Văn H là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung kháng cáo: Anh Lương Văn H kháng cáo không đồng ý với việc Tòa án nhân dân huyện T xử giao cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Thùy D, sinh ngày 10/4/2016, anh đề nghị được trực tiếp nuôi con.

Xét nguyện vọng xin nuôi con của cả anh H và chị L là chính đáng nhưng vì cháu D là con gái, lại còn nhỏ (mới hơn 3 tuổi) nên nếu được sự chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy dỗ trực tiếp của người mẹ thì sẽ giúp cháu phát triển được toàn diện về thể chất, tinh thần hơn. Chị L cũng có việc làm, thu nhập ổn định, có đủ điều kiện đảm bảo việc nuôi con. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H không đưa ra tài liệu, chứng cứ gì mới so với cấp sơ thẩm để chứng minh anh nuôi con sẽ tốt cho cháu hơn so với ở với chị. Không có cơ sở để khẳng định chị L thường đi chơi đêm về khuya hay chăm sóc con không chu đáo như anh trình bày. Việc anh lo ngại sau khi ly hôn chị L sẽ lấy chồng mới, cháu D ở với mẹ sẽ khổ cũng không có cơ sở thực tế. Những lý do anh H đưa ra để đề nghị Tòa án không giao cháu D cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là không có tính thuyết phục. Việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện điều kiện, hoàn cảnh, thu nhập và nguyện

vọng của anh, chị đề đưa ra phán quyết giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu D là hợp lý, hợp tình, phù hợp pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H về thay đổi người trực tiếp nuôi con, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về nuôi con chung.

Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên anh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của anh Lương Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 30/2019/HNGĐ- ST ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ các Điều 51, 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lương Văn H.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lương Thùy D, sinh ngày 10/4/2016. Anh Lương Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lương Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2017/0001217 ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Xác nhận chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Anh Lương Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số AA/2017/0001286 ngày 15/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc. Xác nhận anh H đã nộp đủ số tiền án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Tam Đảo;
- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Vĩnh Thành

